

SỐ 1530

LUẬN PHẬT ĐỊA KINH

Tác giả: Bồ-tát Thân Quang.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.

QUYỂN 1

*Kính lạy Đấng phước điền vô thượng tuyệt luân,
Tam thân-Nhị đế cùng với chúng Nhất thừa,
Nay con tùy sức mình soạn ra luận này,
Mong giáo pháp thường trú lợi ích quần sinh.
Năm ý các Sư lòng con đã thanh tịnh,
Sợ trí kém cõi chưa có thể thông suốt,
Để cho mọi người thanh tịnh sinh thẳng đức,
Cho nên con giải thích sơ lược địa Mâu Ni.*

Luận: Kinh Phật địa, đầy đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, là chươgng phiền não và chươgng sở tri. Đối với mọi tướng của tất cả pháp đều có thể tự mở mang giác ngộ, cũng có thể mở mang giác ngộ cho hết thấy hữu tình. Như người nằm mơ tỉnh giấc, như hoa sen hé nở, cho nên gọi là Phật địa. Nghĩa là những nơi nương tựa-thực hành-thâu nhiếp, tức là nói đến sự thọ dụng hòa hợp một vị của Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí, Thành sở tác trí trong pháp giới thanh tịnh. Đó là những nơi mà Phật nương tựa-thực hành và thâu nhiếp, cho nên gọi là Phật địa.

Có năng lực xuyên suốt qua-có năng lực-thâu nhiếp, cho nên gọi

là Kinh. Dùng Thánh giáo của Phật xuyên suốt thấu nhiếp giữ gìn mà thuận theo giảng giải nghĩa lý để giáo hóa chúng sinh.

Cho nên biết trong này tuyên thuyết về Phật địa làm lợi ích cho hữu tình. Dựa vào nghĩa giải thích, gọi là kinh Phật địa, như kinh Duyên Khởi, như luận Tập Bảo.

Nói gọn nghĩa thuộc về kinh này, là làm sáng tỏ cõi Phật Thế Tôn viên mãn, công đức viên mãn, quyền thuộc viên mãn, an lập Phật địa với năm pháp thọ dụng chung-riêng hòa hợp thành một vị, trí dựa vào pháp giới thanh tịnh đầy đủ các công đức sai khác của ba thân.

Đây là theo thứ tự nêu rõ. Như lai ở nơi chốn như vậy, đầy đủ công đức như vậy, mọi người cùng an lập như vậy.

Địa có nghĩa khác nhau như vậy. Nơi chốn như vậy gọi là quốc độ thanh tịnh của Phật, tức là mười tám loại cung điện rộng lớn, trang nghiêm viên mãn.

Công đức như vậy gọi là hai mươi một loại công đức thù thắng của Phật, Thế Tôn.

Chúng như vậy nghĩa là vô số lượng các chúng Đại Thanh văn, Đại Bồ-tát đều thành tựu các loại công đức vi diệu.

Nghĩa riêng của Địa là năm pháp thọ dụng chung-riêng hòa hợp thành một vị của Địa Đại giác về sau sẽ nói rộng phần này.

Ở trong kinh này tổng quát có ba phần:

1. Phần nhân duyên khởi giáo.
2. Phần Thánh giáo đã thuyết giảng.
3. Phần y giáo phụng hành.

Phần chung là hiển bày về điều mình nghe và thời gian phát khởi giáo pháp.

Phần riêng là hiển bày về giáo chủ và xứ sở phát khởi giáo pháp. Giáo pháp bao trùm mọi căn cơ tức là do nhân do duyên mà phát khởi giáo pháp, gọi là phần nhân duyên phát khởi giáo pháp. Chính thức hiển bày Thánh giáo đã thuyết giảng về các pháp môn- phẩm loại sai biệt, gọi là phần Thánh giáo đã thuyết giảng. Hiển bày vào lúc ấy đại chúng nghe Thánh giáo của Phật đều hoan hỷ phụng hành, gọi là phần y giáo phụng hành.

Kinh: “Tôi nghe như vậy: Một thuở, Đức Bạc-già-phạm...”.

Luận: Tôi nghe như vậy, nghĩa là tổng quát hiển bày về điều mình nghe. Người truyền lại lời Đức Phật dạy, nói rằng sự việc như vậy xưa kia tôi đã từng nghe như vậy...

Nói chung là dựa vào bốn nghĩa để phát triển:

1. Dựa vào thí dụ.
2. Dựa vào lời răn dạy.
3. Dựa vào sự hỏi đáp.
4. Dựa vào sự chấp nhận.

Dựa vào thí dụ, như có người nói: “Giàu sang như vậy, như Thiên vương Tỳ-sa-môn”.

Dựa vào lời răn dạy, như có người nói: “Ông nên đọc, tụng kinh luận như vậy...”.

Dựa vào sự hỏi đáp, như có người nói: “Tôi nghe như vậy, tuyên nói như vậy”.

Dựa vào sự chấp nhận, như có người nói: Tôi sẽ vì ông mà tư duy như vậy, như vậy mà làm, như vậy mà nói. Hoặc khi tin tưởng thì có thể nói: “Việc này có nghĩa như vậy”.

Trong này chỉ dựa vào sự nhận lời, nghĩa là khi kiết tập, các chúng Bồ-tát đều cùng đề nghị rằng: “Như những gì thầy nghe, thì nên nói như vậy”.

Bồ-tát truyền pháp liền chấp thuận lời đề nghị của đại chúng. Như vậy nên nói: “Như điều tôi đã nghe”.

Lại nói như vậy là tin tưởng có thể thẩm định, nghĩa là pháp như vậy, xưa kia tôi đã từng nghe, sự việc này là như vậy, tôi sẽ nói đầy đủ về sự việc đó, nhất định không khác.

Nghĩa “có” trong này cũng dựa vào câu hỏi và trả lời, nghĩa là có người hỏi: “Điều ông trong nói, xưa nhất định đã nghe chăng?” Người này đáp: “Tôi nghe như vậy.”

Nghĩa “có” trong này tất cả dựa vào bốn loại.

Dựa vào thí dụ; nghĩa là chỗ nói sẽ theo câu văn như vậy: “Như tôi xưa đã nghe”.

Dựa vào lời răn dạy: Nghĩa là khi bảo với chúng nên nghe như vậy, xưa tôi đã nghe.

Ngoài ra, như trước đã nói. Tôi nghĩa là các uẩn thế tục giả hợp. Nghe nghĩa là nhĩ căn phát sinh thức nghe nhận. Vì bỏ cái riêng mà dựa vào cái chung, cho nên nói là “Tôi nghe”.

Nghĩa “có” là bản nguyện Từ Bi của Như Lai với lựa của duyên tăng thượng.

Nghĩa là từ trong thức phát sinh văn nghĩa. Tướng của văn nghĩa này dù trực tiếp dựa vào năng lực thiện căn của mình phát sinh, nhưng căn cứ theo duyên phát triển mạnh thì gọi là Phật nói. Vì năng lực của tai nghe là do tâm Biến hiện cho nên gọi là “Tôi nghe”.

Nghĩa có người nghe là lực của duyên tăng thượng trong bốn nguyện thiện căn trên thức của Như lai mà cùng phát sinh văn nghĩa. Tướng của văn nghĩa này là từ thiện căn lợi tha của Phật mà phát khởi, gọi là Phật nói. Người nghe dù tâm thức không nhận rõ, nhưng vì tướng ấy hiển hiện rõ ràng cho nên gọi là: “Tôi nghe”. Nên biết rằng nói là: “Tôi nghe như vậy” ngụ ý là tránh phần lỗi lầm thêm-bớt và đổi khác, nghĩa là pháp như vậy, tôi nghe từ Đức Phật, không phải do người khác lần lượt hiển bày rõ ràng.

Người nghe có đủ năng lực nhận lãnh cho nên những gì đã nghe đều xa lìa lỗi lầm thêm-bớt và khác lạ, không phải như kẻ tầm thường ngu muội, không có năng lực nào có thể nghe những gì đã nghe, hoặc không thể tránh khỏi phần thêm-bớt và khác lạ.

Khi kiết tập giáo pháp, truyền lại lời Phật dạy và dựa vào lời giáo huấn của Như Lai, lời nói đầu tiên này là làm cho chúng sinh cung kính tin nhận.

Nói pháp như vậy tôi được nghe từ Đức Phật văn nghĩa quyết định không hề thêm-bớt. Vì vậy người nghe sau khi chính thức được nghe rồi, tư duy như lý, phải siêng năng tu học.

Nói “một thuở”, nghĩa là lúc nói và lúc nghe. Đây là căn cứ vào giây phút nối tiếp nhau không gián đoạn. Nói và nghe trọn vẹn cho nên gọi chung là “một thuở”. Nếu không như vậy thì tất cả ngôn từ-câu chữ... khi nói và nghe sẽ khác nhau.

Thế nào gọi là “một thuở”? Người tự mình nói là người đã chứng đắc Đà-la-ni, ở trong một chữ-một khoảnh khắc có thể duy trì-có thể nói ra tất cả các pháp môn. Hoặc người tự mình nghe, là người có được tai nghe thanh tịnh, khi trong một khoảnh khắc nghe một chữ, đối với tất cả chữ khác đều không hề chướng ngại, đều có thể lãnh thọ, cho nên gọi là một thuở. Hoặc lúc gặp gỡ nhau không khác biệt, cho nên gọi là một thuở, tức là nói và nghe cùng gặp gỡ nhau, cùng chung nghĩa một thuở.

Lúc (Thời) tức là phần vị giả lập trên pháp hữu vi, hoặc là phần vị trên tâm, bởi vì ảnh tượng dựa vào sắc tâm thì tất cả đều là giả lập, là thuộc về hành uẩn không tương ứng.

Sao không hiển bày riêng biết các nơi chốn tiếp theo sau... mà chỉ nói một thuở? Vì thời gian ngày đêm và các phương không cố định, cho nên không thể nói riêng biệt được.

Vả lại, vì nghĩa không cố định, hoặc trong một giây phút, hoặc lại tương tục, không thể nói cố định. Vì vậy theo tướng chung chỉ nói là

một thứ.

Bạc-già-phạm gọi là Bạc-già-phạm thì dựa vào sáu nghĩa chuyển đổi:

1. Nghĩa tự tại.
2. Nghĩa xí thanh.
3. Nghĩa đoan nghiêm.
4. Nghĩa danh xưng.
5. Nghĩa kiết tường.
6. Nghĩa tôn quý.

Như có bài tụng nói:

*Tự tại-xí thanh và đoan nghiêm,
Danh xưng-kiết tường cùng tôn quý,
Sáu thức nghĩa sai biệt như vậy,
Nên biết gọi chung là Bạc-già...*

Như vậy tất cả Như Lai có đủ tất cả các loại, đều không cách ly nhau. Vì vậy danh hiệu Như Lai là Bạc-già-phạm.

Nghĩa đó thế nào? Nghĩa là các Đức Như lai vĩnh viễn không hệ thuộc bởi các phiền não, cho nên đầy đủ nghĩa tự tại. Vì được tôi luyện bằng ngọn lửa trí tuệ rừng rực mãnh liệt, cho nên đầy đủ nghĩa xí thanh. Vì được trang sức bằng ba mươi hai tướng tốt đẹp của bậc đại sĩ, cho nên đầy đủ nghĩa đoan nghiêm. Vì tất cả công đức thù thắng đều viên mãn không có điều gì không biết cho nên đầy đủ nghĩa danh xưng. Vì tất cả thế gian đều thân cận cúng dường và khen ngợi, cho nên đầy đủ nghĩa kiết tường. Vì đủ tất cả các đức, thường xuyên vận dụng phương tiện làm lợi ích, an vui cho tất cả hữu tình, không biếng trễ bỏ nửa chừng, cho nên đầy đủ nghĩa tôn quý. Hoặc có năng lực phá tan bốn loại ma oán cho nên gọi là Bạc-già-phạm.

Bốn loại ma oán là ma phiền não, ma uẩn, ma chết và ma Tự Tại thiên.

Phật có đủ mười loại danh hiệu công đức. Vì sao Như Lai dạy cho người truyền pháp, trong phần đầu của tất cả các kinh, chỉ đặt danh hiệu Bạc-già-phạm như vậy?

Nghĩa là thế gian đều tôn trọng một danh hiệu này. Các ngoại đạo đều gọi danh hiệu của bốn sư là Bạc-già-phạm (Thế Tôn). Vả lại, một danh hiệu này thâm nhiếp toàn bộ mọi phẩm đức, các danh hiệu khác thì không như vậy, cho nên

Ở phần đầu các kinh đều đặt danh hiệu này. Về đức của Bạc-già-phạm, phần sau sẽ nói rộng.

Kinh: “An trú trong xứ sở trang nghiêm bằng bảy loại báu rực rỡ sáng ngời thù thắng vô cùng, phóng ra ánh sáng rộng lớn, soi chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, vô lượng xứ sở trang nghiêm vi diệu hiện bày trong đó, vây tròn xung quanh không giới hạn với số lượng khó biết được, vượt lên trên xứ sở thực hiện của ba cõi, do thiện căn xuất thế gian thù thắng mà phát khởi, thức thanh tịnh tự tại cao nhất làm tướng do Như lai quy tập đầy đủ.

Các chúng Đại Bồ-tát đều vân tập, vô lượng trời-rồng-người và loài phi nhân... thường cùng nhau đi theo giúp đỡ, vui sướng giữ gìn pháp vị rộng lớn làm tất cả mọi điều lợi ích có ý nghĩa cho các chúng sinh-diệt trừ các phiền não tai họa ràng buộc thô trước, xa lìa các loại trang nghiêm lỗi lầm của các ma.

Xứ sở nương tựa trang nghiêm của Như lai, dùng Đại niệm tuệ hạnh làm con đường qua lại, dùng Đại chỉ diệu quán làm cỗ xe chuyển vận, dùng Đại không-Vô tướng-vô nguyện giải thoát làm cánh cửa tiến vào, vô lượng công đức trang nghiêm rực rỡ, do các loại hoa chúa quý báu nhất mà kiến lập trong cung điện vĩ đại”.

Luận: Đây là hiển bày trú xứ viên mãn của Như Lai, nghĩa là Tịnh độ của Phật. Tịnh độ này lại do mười tám sự viên mãn, đó là hiển sắc viên mãn, hình sắc viên mãn, phần lượng viên mãn, phương sở viên mãn, nhân viên mãn, quả viên mãn, chủ viên mãn, phụ giúp viên mãn, quyến thuộc viên mãn, trú trì viên mãn, sự nghiệp viên mãn, thâm nhiếp lợi ích viên mãn, không sợ hãi viên mãn, trú xứ viên mãn, đường xá viên mãn, sự vận hành viên mãn, môn viên mãn, y chỉ và gìn giữ viên mãn.

Do mười chín câu như thứ tự ấy biểu hiện rõ ràng mười tám loại viên mãn như vậy, chính cung điện được trang nghiêm viên mãn ấy gọi là Tịnh độ của Phật, Đức Phật gọi trú trong cung điện nguy nga vĩ đại như vậy mà thuyết ra Khế kinh này.

Thọ dụng biến hóa trong hai cõi Phật. Nay Tịnh độ này thuộc cõi nước nào? Nói kinh này thì Phật dùng thân nào? Có nghĩa cõi nước này thuộc về cõi nước được biến hóa, Phật dùng thân biến hóa khi thuyết về kinh này, chúng Thanh văn... đều ở trong cõi nước này hiện đang đối diện trước Như Lai để nghe thuyết về kinh ấy, hoan hỷ tin tưởng, tiếp nhận mà vâng lời thực hành. Do tâm Phật hiện bày, thức thanh tịnh vượt ra ba cõi làm tướng để thuyết về pháp thù thắng, giáo hóa các loại hữu tình Địa tiền này, khiến cho họ vui mừng tu tập thực hành nhân tố ấy, Như lai tạm thời hóa làm cõi Phật thanh tịnh, hóa thân đặc thù dùng sức

thần thông làm cho đại chúng tạm thời được trông thấy.

Nếu không như vậy thì các chúng Thanh văn... hoàn toàn không trông thấy.

Có nghĩa là cõi nước ấy thuộc về cõi nước thọ dụng và Phật dùng thân thọ dụng để thuyết về kinh này. Vì lượng của Tịnh độ này là không giới hạn, cửa ngõ-đường xá-xe cộ vận chuyển đều là đức chân thật.

Thọ dụng cõi Phật thanh tịnh như vậy thì hoàn toàn thanh tịnh mẫu nhiệm, hoàn toàn an lạc, hoàn toàn không có tội lỗi, hoàn toàn tự tại nói đến những nơi khác.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Địa thứ ba trở lên mới được sinh”. Giảng nói kinh này, sau đó Phật nói đầy đủ hai mươi một loại công đức chân thật, cho nên khi nói đến kinh khác thì không liệt kê công đức của Phật như vậy.

Nếu tạm thời hóa hiện Tịnh độ như vậy, thân vi diệu như vậy, gia bị cho đại chúng được trông thấy, thì phải như ở kinh khác, phân biệt nói rõ. Nhưng mà đây không nói đến cho nên biết đó là cõi nước thọ dụng và thân thọ dụng, các chúng Thanh văn... là do Phật hóa hiện, hoặc là các Bồ-tát hóa hiện làm thân này.

Trang nghiêm cõi Phật là vì giảng nói nơi pháp hội. Nếu thế thì Bồ-tát địa phương này đã nghe thấy, vì sao lại kiết tập, lưu hành và truyền pháp cho Bồ-tát trong cõi Phật biến hóa ấy?

Đó là vì Như Lai muốn thị hiện người Nhất thiết trí và nơi cư trú vượt lên trên tất cả pháp thế gian. Chỉ rõ như vậy là vì muốn cho chúng sinh được giáo hóa càng hân hoan, khiến cho họ phát nguyện sẽ được vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh như vậy, sẽ được trông thấy Phật như vậy, nghe pháp như vậy. Vì tu tập nhân đó mà được phát sinh kiến giải thù thắng rộng lớn, vì hữu tình và các Bồ-tát đều vô cùng hoan hỷ. Vì muốn cho ý tăng thượng ưa hiểu biết tốt đẹp về cảnh giới vững chắc, cho nên kiết tập và lưu hành rộng khắp.

Vả lại, pháp ấy cao vượt hơn cõi này, cho nên nghe. Tuy nhiên xứ sở không tốt đẹp và tướng hóa thân thô kệch thì không thể diễn nói.

Vì vì vậy thân thọ dụng cư trú trong cõi nước thọ dụng.

Vì các Bồ-tát trên địa đầu tiên mà giảng nói, khiến cho người truyền pháp, kiết tập và lưu thông. Nếu thế, thì vì sao không chỉ nói là Phật đã giảng nói pháp? Nếu không nói đến xứ sở và người nói pháp thì sẽ không biết được pháp này là pháp gì? Nói ở đâu? Và ai nói? Tất cả đều sinh nghi cho nên phải nói đầy đủ.

Nghĩa như thật là khi Đức Thích-ca Mâu-ni giảng nói kinh này, đại

chúng thuộc Địa tiền trông thấy thân biến hóa của Đức Phật đang ở cõi nước ô uế này mà giảng pháp cho họ, còn đại chúng thuộc Địa thượng lại trông thấy thân thọ dụng của Phật đang ở Tịnh độ giảng pháp cho họ. Tuy pháp được nghe là như nhau, nhưng Phật được trông thấy thì khác biệt. Mặc dù đều hoan hỷ và tin tưởng, nhận lãnh và vâng làm, nhưng mỗi người tu hành khác nhau theo chỗ hiểu sâu cạn của họ. Tuy nhiên, người truyền bá chánh pháp thì muốn chúng sinh đều được nghe pháp, hy vọng rằng họ sẽ siêng năng tu tập những nhân thanh tịnh kia, sẽ được vãng sinh Tịnh độ, chứng đắc công đức của Phật. Vì vậy đem điều cao cả đã được trông thấy mà kết tập và nói là Đức Bạc-già-phạm cư trú nơi xứ sở tốt đẹp nhất... cho đến nói rộng về công đức của Như Lai.

Cõi Phật được trang nghiêm bằng bảy loại châu báu rực rỡ tốt đẹp hơn hết, là cung điện vĩ đại, được trang nghiêm bằng bảy loại châu báu rực rỡ với hào quang sáng tỏa hơn hết.

Bảy báu là:

1. Vàng.
2. Bạc.
3. Phệ-lưu-ly.
4. Mâu-bà-lạc-yết-bà.
5. Át-thấp-ma-yết-bà.

6. Trân châu đỏ, nghĩa là từ trùng đỏ mà sinh ra gọi là trân châu đỏ, hoặc thể của ngọc châu (ngọc trai) màu đỏ cho nên gọi là ngọc châu đỏ.

7. Yết-kê-đác-nặc-ca.

Dùng những thứ quý trọng này mà nói là bảy loại quý báu. Thực sự Tịnh độ vốn có vô lượng thứ trang sức đẹp đẽ, quý báu và mẫu nhiệm, không phải là điều thế gian có thể biết được.

Phát ra hào quang rực rỡ vĩ đại, soi khắp tất cả vô biên thế giới là Đức Phật phát ra hào quang rộng lớn từ cung điện nguy nga vĩ đại, soi khắp tất cả vô biên thế giới. Hoặc vì tự thể của cung điện vĩ đại đó trùm cả vô biên thế giới, cho nên Đức Phật phát ra đạo hào quang sáng chói soi rọi khắp tất cả.

Hai câu này đã làm sáng tỏ Tịnh độ của Phật với hiển sắc đầy đủ.

Tịnh độ của Phật với hiển sắc như vậy còn số lượng hình thể thì ra sao? Vô lượng nơi chốn được trang trí tốt đẹp mẫu nhiệm xen kẽ hàng hàng lớp lớp, nghĩa là cung điện vĩ đại được hiện bày vô lượng phương sở lẫn với cảnh trang hoàng tốt đẹp mẫu nhiệm.

Nói vô lượng thì số là vô lượng, hoặc xứ sở là vô lượng. Như Tuệ là đồ trang sức trước hết trong sự sắp đặt. Vì vậy gọi là sự an bày xen lẫn trong sự trang trí màu nhiệm, tốt đẹp.

Thế nào là cõi Phật lấy tâm thanh tịnh làm tướng? Nghĩa là cõi nước ấy không phải do công cụ bên ngoài và thợ thế gian làm mà có được.

Như vậy, Như Tuệ là đồ dùng trang sức xen lẫn trong sự bày biện sắp đặt, nghĩa là Phật Thế Tôn xưa kia khi còn là Bồ-tát đã mở ra tuệ phương tiện khéo léo.

Như vậy, thêm vào đó là thực hành thệ nguyện như vậy để trang nghiêm cõi Phật. Vì trước hết, gia tăng uy thế của thệ nguyện, cho nên đối với quả vị mặc dù không có tuệ giác về lý luận như xưa, nhưng do thức thanh tịnh của Phật đã biến hiện như vậy, đồng thời khiến cho thức của Bồ-tát cũng biến hiện như vậy, cho nên không mâu thuẫn nhau, nơi khác cũng cho nên dựa trên chân lý này mà nói.

Tịnh độ với hình sắc viên mãn như vậy, còn về phần lượng thì thế nào? Viên mãn cùng khắp chứ không giới hạn, với dung lượng của cõi nước đó cũng khó đo lường. Nghĩa là phần lượng của cung điện vĩ đại viên mãn trùm khắp không giới hạn, viên mãn cùng khắp không dễ gì đo lường. Lại nữa, phần vị của các phương Đông... không ngang đồng, cho nên có các hình tướng dài-ngắn... khó có thể đo lường.

Còn có nghĩa là thân và cõi nước thọ dụng của Như Lai đều tùy thuận vào sự thích nghi của chúng sinh đã được giáo hóa mà hóa hiện, hoặc lớn hay nhỏ, với số lượng và dung lượng không nhất định. Do đó, dù Như Lai hóa hiện phần lượng rộng lớn, nhưng cũng có giới hạn. Tuy vậy, đem tâm và trí tuệ của Bồ-tát ở địa tiền mà nói thì nó không giới hạn, phần lượng đó cũng khó đo lường.

Có nghĩa là thân và cõi nước thọ dụng của Như Lai, trải qua ba vô số kiếp tu tập vô biên thiện căn, cho nên đã cảm được pháp giới trùm khắp. Các Bồ-tát ở địa thượng và các Như Lai cũng không thể đo lường được phần lượng có giới hạn đó, vì vô biên như thời gian không đầu mối.

Nghĩa như thật là thân và cõi nước thọ dụng của Phật tóm lược có hai loại:

1. *Tự thọ dụng*: Là trải qua ba vô số kiếp, các Như Lai đã từng tu tập vô biên thiện căn và đã cảm được pháp giới trùm khắp, viên mãn, vì được tự thọ dụng nguồn vui của đại pháp. Từ khi mới chứng thành quả vị Phật cho đến cùng tận bến bờ vị lai, luôn nối tiếp nhau không thay

đổi, như các công đức của Phật mà các Bồ-tát không thể nhận thấy, chỉ có thể được nghe.

Vì tính chất vô lượng của Tịnh độ như vậy, cho nên chư Phật dù trông thấy, nhưng cũng không thể lường xét phần lượng giới hạn của Tịnh độ có được.

2. *Tha thọ dụng*: Là các Như Lai vì khiến cho các chúng Bồ-tát ở Địa thượng đều nhận được nguồn vui đại pháp, tinh tiến tu tập các hạnh thù thắng, cho nên tùy sự thích nghi mà hóa hiện, hoặc hơn, hoặc kém, hoặc lớn, hoặc nhỏ, thay đổi luôn không cố định như cõi nước biến hóa.

Tịnh độ như vậy, do có biên giới cho nên Bồ-tát ở Địa thượng và các Như Lai đều lường xét được phần lượng của Tịnh độ đó, chỉ đối với Địa tiền mà nói thì không thể đo lường được.

Do hai loại khác nhau ấy, cho nên nói là viên mãn cùng khắp, không giới hạn và phần lượng của cõi nước đó khó lường xét được.

Tịnh độ với phần lượng viên mãn như vậy thì có thể giới hạn ở phạm vi ba cõi hay không? Siêu việt lên trên mọi chốn hành hóa của ba cõi, nghĩa là đại cung điện này vượt lên trên mọi nơi chốn, phương vực hành hóa của ba cõi, không phải như tự địa trong ba cõi còn chấp các ái là sở hữu của mình, là tướng của sở duyên cho nên vẫn bị hai loại ràng buộc này tăng trưởng theo là dị thực kia và quả được thêm lên.

Tịnh độ như vậy, không phải làm bằng ái của ba cõi, nó lìa khỏi hai loại ràng buộc nói trên, không phải dị thực với quả tăng trưởng kia. Như Niết-bàn... đã siêu việt lên trên cảnh giới của quả dị thực nơi ba cõi.

Nếu như vậy, thì Tịnh độ không phải thuộc về ba cõi, mà nó là vô lậu. Nếu đã là vô lậu mà còn thuộc hữu vi, tức là đạo đế, là tính thiện thì tại sao nó còn có thể dùng sắc-thanh-hương... làm thể tánh? Vì mười tám giới, mười lăm hữu lậu, tám vô ký... đã nói ở chỗ khác.

Có nghĩa mười tám giới thông suốt cả hữu lậu và vô lậu đều có tánh thiện. Tuy nhiên, căn cứ vào tướng thô, tương tự cảnh giới của hàng Nhị thừa, mà nói có mười lăm thứ hữu lậu và tám loại vô ký... trong mười tám giới.

Còn có nghĩa, Tịnh độ là do sự biến hiện của tâm định, tuy có sắc... tựa như tướng của mười tám giới, nhưng không phải thuộc vào mười tám giới, không phải là năm thức của các thế gian mà hiểu được. Như các màu sắc xanh-vàng... là sở duyên của biến hành nơi mười hai xứ... vì đều là sắc tự tại mà nảy sinh.

Đã thuộc về pháp giới, vì vậy mặc dù Tịnh độ có dùng sắc... làm thể tánh, nhưng vì đều là thiện vô lậu, thì cũng không mâu thuẫn nhau.

Nếu thế thì năm thức của Bồ-tát không duyên với cõi nước thọ dụng hay sao? Mặc dù dựa vào năng lực của tâm do tự thức biến đổi khác đi, nhưng vì tướng thô xấu và tốt đẹp không giống nhau. Vả lại, đâu phải các pháp thuộc về năm cảnh mà năm thức của Như Lai không thể duyên được? Vì sự kiện Phật duyên là do tác dụng tương tự của tâm. Vì lẽ giả danh gọi là năm thức, thật sự không phải là năm thức, vì Như Lai luôn ở trong định, có nơi khác giảng nói về Thể của năm thức là trạng thái tán loạn của tự tánh, vì chúng không có định.

Nếu thế thì cảnh giới Tịnh độ đó không phải phát sinh từ năm căn sao? Năm căn của Như Lai và sắc-thanh... đều đồng nhau, vì căn-cảnh tạm thời gọi là năm căn, và các cảnh sắc... đều do tâm định biến hiện. Thật ra pháp giới này luôn tự tại sinh ra sắc.

Nếu vậy, thì bốn trí không đồng thời vì không có cùng một lúc, một loại mà lại có nhiều thức phát sinh tác dụng trong cùng một thân, vẫn được thừa nhận thì nào có lỗi gì?

Về nghĩa như thật: Thân và cõi nước của Như Lai hết mực vi diệu sâu xa; không phải là có, không phải là không, không phải là hữu lậu, cũng không phải là vô lậu, không phải là thiện, không phải là ác, cũng không phải là vô ký, không phải là pháp môn thuộc về uẩn-giới... chỉ tùy thuận với những gì thích nghi mà nói có nhiều thứ khác biệt.

Có chỗ khác nói: “Trong mười tám giới có mười lăm hữu lậu, tám vô ký..., là chỉ căn cứ vào sự phân biệt tướng thô trong cảnh giới của hàng Nhị thừa, phàm phu, chứ không dựa vào cảnh giới thâm diệu của chư Phật và Đại Bồ-tát”.

Chỗ khác lại nói: “Như Lai không phải thuộc về uẩn, xứ giới thật. Các thứ thiện... hiện có đều là thị hiện, cho đến nói rộng hơn. Tịnh độ như vậy thì cùng một nơi chốn với ba cõi hay là đều khác biệt?”.

Có nghĩa đều khác biệt, như có nơi nói: “Ở trên cõi trời Tịnh Cư”. Có nơi nói: “Ở phương Tây...”.

Có nghĩa đồng xứ. Tịnh độ viên mãn cùng khắp, không có biên giới, vì trùm khắp pháp giới.

Theo nghĩa như thật, thì cõi nước thọ dụng thật đều biến khắp pháp giới, không nơi nào là không có, cho nên không thể nói là tách khỏi ba cõi, hay ở trong ba cõi. Nếu tùy thuận chỗ thích nghi của Bồ-tát mà hóa hiện thì hoặc ở trên trời Tịnh Cư của cõi Sắc, hoặc ở xứ sở phương Tây không nhất định.

Tịnh độ, với phương sở viên mãn như vậy, đã siêu việt cảnh giới của quả dị thực nơi ba cõi, như Niết-bàn ... cho nên không có nhân. Nếu có nhân thì phải thuộc về ba cõi. Nếu nói Tịnh độ siêu việt lên trên ba cõi, thì lại có nhân của pháp siêu việt trên ba cõi.

Việc cần phải nói là tướng của Tịnh độ.

Thế nào là thiện căn xuất thế gian thù thắng siêu việt? Nghĩa là cung điện vĩ đại dùng thiện căn của trí hậu sở đắc và trí vô phân biệt xuất thế gian làm nhân mà được sinh khởi, không phải là không có nhân, không phải là Đại Tự Tại thiên... làm nhân. Vì sao Tịnh độ siêu việt lên trên ba cõi, mà dùng trí vô phân biệt xuất thế gian và trí hậu sở đắc? Chỉ nói pháp thanh tịnh của thế gian làm nhân dị thực, chứ không nói là làm nhân dị thực cho thế gian thanh tịnh kia. Nhưng vì nhân khác mà dị thực ấy được sinh khởi. Như Thế độ nhất pháp làm nhân trong phẩm Khổ pháp trí nhãn. Ở đây sử dụng trí không phân biệt, trí hậu đắc, chủng tử của pháp thiện vô lậu vốn có. Ba vô số kiếp tu tập khiến được rộng thêm, làm nhân sinh khởi biến hiện Tịnh độ này, trí vô phân biệt gọi là xuất thế gian, trí hậu đắc vượt qua trí trước cho nên gọi là công dụng thù thắng. Vượt qua thiện căn vô lậu xuất thế, vì đây là nhân sinh khởi. Hoặc Thánh đạo của các Thanh văn, Độc giác gọi là xuất thế gian. Thiện căn của Như Lai vượt lên trên Thanh văn... cho nên gọi là thù thắng. Tịnh độ của Phật này do thiện căn vô lậu trong thức của Như Lai làm nhân mà sinh khởi.

Có nghĩa: Chỉ là tăng thượng duyên sinh khởi, vì pháp bên ngoài.

Có nghĩa: Cũng là do nhân duyên sinh khởi, vì gần gũi mà có thể sinh khởi. Nếu không như vậy thì sẽ không có nhân duyên. Vì pháp bên ngoài cùng đối chiếu cho nên không phải là nhân duyên.

Tất cả pháp bên ngoài đều dùng pháp huân tập bên trong làm nhân. Nếu thế thì pháp bên ngoài đã là cùng có, làm sao mỗi loài hữu tình đều có chủng tử riêng? Và cùng làm nhân duyên hợp lại sinh ra một quả?

Đừng đem tâm nhỏ hẹp mà lường xét pháp lớn. Vật bên ngoài đâu phải là vật thể cực vi hợp thành, nhưng thật có thể tánh vì nhiều nhân cùng cảm nhận, chỉ là do thức sai khác của hữu tình đều biến hiện, cùng một chỗ ở giống nhau thì không chướng ngại với nhau. Như những ngọn đèn sáng, như nhiều giác chiêm bao, nhưng tương tự thì tướng của quả giống nhau. Xứ sở không khác biệt, giả danh là chung, mà thật ra thì mỗi xứ sở đều có nhiều điểm khác nhau.

Tịnh độ của chư Phật cũng lại như vậy. Mỗi cõi Phật đều do thức

riêng biệt biến hiện, đều trùm khắp pháp giới, cùng xứ sở giống nhau cho nên gọi là chung.

Tướng của nhân Tịnh độ viên mãn như vậy, còn tướng của quả Tịnh độ thì sao? Lấy thức thanh tịnh và tự tại cùng cực nhất làm tướng. Nghĩa là cung điện vĩ đại, cực kỳ tự tại, dùng tâm vô lậu của Phật làm Thể tướng, vì chỉ có thức, không phải lìa ngoài thức mà có riêng các thứ châu báu... Chính là do tâm thanh tịnh của Phật đã biến hiện các thứ châu báu tướng tự như vậy.

Như phần trước đã nói về tướng của cảnh giới, như nhập các màu xanh... chỗ nào cũng là định. Tướng do thức biến hiện, tức là trí Đại viên cảnh của Như Lai đã tương ứng với thức thanh tịnh, do xưa kia Như Lai tu tập pháp vô lậu làm lợi ích cho mình và năng lực của nhân duyên trong chủng tử Tịnh độ. Bất cứ khi nào nó cũng trùm khắp mọi chốn, Như Lai biến hiện tự nhiên mà không đợi tác ý.

Các thứ châu báu trang nghiêm nơi cõi nước thọ dụng của Phật và thân tự thọ dụng đã làm thành nơi nương tựa.

Tu tập pháp vô lậu làm lợi ích cho người và năng lực của nhân duyên trong chủng tử Tịnh độ, tùy thuận chỗ thích nghi của Bồ-tát địa thượng khác mà biến hiện Tịnh độ, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hoặc hơn, hoặc kém cùng với thân thọ dụng của người khác để cùng làm thành nơi nương tựa. Nghĩa là tùy thuận chỗ thích nghi của Bồ-tát địa thứ nhất mà hóa hiện tướng nhỏ, biến hiện tướng kém.

Như vậy, lần lượt cho đến mười địa là địa thù thắng cao nhất ở trong các địa, các địa đầu-giữa-sau... cũng lại như vậy.

Tướng quả viên mãn của Tịnh độ như vậy, còn chủ của Tịnh độ đó thì như thế nào? Có cung điện thì nhất định phải có chủ nương tựa và duy trì.

Chỗ ở của Như Lai là cung điện vĩ đại và chư Phật-Thế Tôn là chủ, vì nói thù thắng không phải là nơi nào khác mà chỉ thuộc về Thế Tôn chủ trì thâm nhiếp, không phải người nào khác có thể làm được.

Cõi nước tự thọ dụng mặc dù trùm khắp pháp giới, nhưng mỗi cõi nước đều tự biến hiện và đều tự làm chủ, hoàn toàn không ngăn ngại nhau.

Cõi nước thọ dụng của người khác, dù là chư Phật biến hiện nhưng một tướng tổng hợp, cũng là một thân tướng tiếp nhận làm chủ, vẫn không gây chướng ngại nhau.

Chủ của Tịnh độ đã viên mãn như vậy, thì phải có người phụ tá. Chủ nhất định thâm nhiếp mọi người phụ tá.

Các chúng Đại Bồ-tát đã vân tập, là cung điện vĩ đại thì thường xuyên có vô lượng Đại Bồ-tát Tăng cùng tập hợp, đến yết kiến, thừa sự, gọi là giúp đỡ.

Đã có vô số Đại Bồ-tát Tăng thường xuyên đến giúp đỡ, cho nên không có kẻ thù oán nào có thể gây hại.

Các Thanh văn... không làm được việc như vậy, nghĩa là các chúng Bồ-tát bắt đầu từ Địa thượng, mặc dù không thể triệu tập chư Phật đến Tịnh độ thọ dụng lợi mình, nhưng vẫn có thể triệu tập đại hội chư Phật tại Tịnh độ thọ dụng lợi ích cho người khác.

Từ tự thức, chư Phật rủ lòng thương, tùy thuận hoàn cảnh thích hợp của Bồ-tát mà biến hiện cõi nước tốt đẹp hay thô xấu.

Bồ-tát tùy thuận thiện căn và năng lực thệ nguyện của mình để biến hiện, từ tự thức giống như tướng Tịnh độ mà Phật đã sinh. Mặc dù là do tự tâm đều biến hiện khác biệt, nhưng cùng một nơi với hình tướng tương tự. Nghĩa là cùng tập hợp trong một cõi nước đó.

Tịnh độ của Bồ-tát thuộc Địa thượng là như vậy, là hữu lậu hay là vô lậu? Có nghĩa vô lậu, tức là sau khi đạt được chủng tử Tịnh độ vô lậu trong tự tâm và do diệu lực của nguyện hỗ trợ, biến hiện hóa sinh Tịnh độ, trong đó thọ dụng pháp lạc Đại thừa.

Vì các chúng Bồ-tát bắt đầu từ Địa thượng đều chứng ngộ lý Chân như, đạt được trú xứ vô lậu chân thật, pháp lưu chân thật, an trú Tịnh độ Chân như, thường trông thấy chư Phật, cho nên các cõi nước biến hiện đều là vô lậu chân thật, thuộc về đạo đế.

Có nghĩa hữu lậu; là vì thêm hạnh gieo trồng chủng tử và sức nguyện hỗ trợ trong tâm, cho nên biến hiện Tịnh độ, ở đó thọ dụng pháp lạc của Đại thừa. Bởi vì Bồ-tát kia dù đã chứng ngộ Chân như, được chân vô lậu, nhưng từ bảy địa trở lại, vẫn còn phiền não hiện khởi, cho đến mười địa cũng còn có dụng công tu tập và đoạn tuyệt chủng tử của phiền não cùng chướng sở tri. Vì Thế của thức thứ tám có thể duy trì các chủng tử. Tịnh độ đó vì tiếp nhận sự huân tập chủng tử trong hiện tại, cũng còn là hữu lậu thuộc tánh vô ký, thuộc về đạo đế vô lậu hữu vi, chắc chắn là thiện.

Nếu Thế của thức thứ tám trong mười địa là thiện vô lậu thì phải biết rằng đến Phật địa, không thể cầm giữ chủng tử hữu lậu, không cho nên nhận sự huân tập.

Khi Thế của thức thứ tám đã là hữu lậu thuộc về tánh vô ký, thì Tịnh độ được biến hiện làm thế nào lại thuộc về tánh thiện vô lậu được? Và lại, một tánh hữu lậu không có hai thân thật. Bây giờ, thân đó đã là

nơi nương tựa của hữu lậu, thì Tịnh độ làm sao lại vô lậu.

Tịnh độ của Bồ-tát mười địa này là hữu lậu vì diệp thuộc khổ đế.

Nghĩa như thật, là tự tâm của Bồ-tát mười địa đã biến hóa Tịnh độ có hai:

Nếu Tịnh độ do thức thứ tám biến hóa thì nó thuộc về tướng phần của thức hữu lậu, là chỗ nương tựa của thân hữu lậu. Mặc dù nhờ năng lực thiện vô lậu nuôi dưỡng huân tập sự trong sạch tốt đẹp của Tịnh độ kia, nhưng nó vẫn thuộc về khổ đế hữu lậu. Tùy gia hạnh biến hiện... cũng thế. Nếu Tịnh độ với hình bóng biến hiện từ tâm vô lậu hậu đắc thì Tịnh độ thuộc tướng phần của thức vô lậu, vì phát sinh từ chủng tử vô lậu cho nên Thể của nó thuộc về đạo đế vô lậu.

Tịnh độ có sự phụ giúp đầy đủ như vậy, phải có quyền thuộc cho nên sau đó mới nói vô lượng hàng Trời, Rồng, Người, Phi nhân... thường xuyên theo giúp đỡ. Có nghĩa là cung điện vĩ đại chỉ có quyền thuộc là Trời... vây quanh, không có loài nào khác... Chử đặng (vân vân) là chỉ cho Kiền-đạt-phước, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hồ-lạc-già... Mạc-hồ-lạc-già tức là loài mãng xà to lớn.

Tại sao đã siêu việt lên trên việc làm của ba cõi mà Tịnh độ lại có trời... dùng làm quyền thuộc? Trời... đều là những hàng thuộc về ba cõi. Vì thức thanh tịnh đã thâm nhận sự biến hiện như vậy, vì mục đích làm trang nghiêm Tịnh độ, cho nên không mâu thuẫn với nhau. Hoặc vì hữu tình đã được giáo hóa thành thực, cho nên được thị hiện biến hóa ra các chủng loại như vậy, như để chế ngự kiếp Tỷ noa vương mà biến hiện, hóa làm vô lượng quyền thuộc vây quanh bảo vệ Chuyển luân vương. Hoặc là các Bồ-tát hóa làm vô lượng thân Trời, Rồng... cư ngụ ngay trong Tịnh độ để cúng dường Phật, hoặc tự hóa thân làm Trời, Rồng... để theo giúp đỡ Như Lai thì không phạm lỗi.

Quyền thuộc viên mãn của Tịnh độ như vậy, ở yên trong đó lấy gì để duy trì? Duy trì nhờ vào pháp vị hỷ lạc rộng lớn.

Nghĩa là ở đây được duy trì bằng pháp vị hỷ lạc của Đại thừa, sống bằng pháp lạc. Đó là nghĩa duy trì. Đã nói siêu việt lên trên việc làm nơi ba cõi đã làm thì tại sao Tịnh độ lại có cái ăn? Vả lại, trong pháp vô lậu không cho nên gọi là ăn, vì ăn là để nuôi lớn chúng sinh trong ba cõi hữu lậu. Vì muốn đoạn tuyệt cõi hữu lậu cho nên không gọi là ăn, nhưng do tính chất trú trì mà cũng gọi là ăn.

Như trong Tông chỉ của ông thì sinh lên cõi Sắc, nhập định vô lậu cũng gọi là ăn. Không phải là cái ăn trong quá khứ cho nên gọi là ăn. Quá khứ không có. Đây cũng cho nên như vậy. Vì nhân của trú trì này

cho nên nói là ăn. Như pháp hữu lậu dù làm chướng ngại đối với pháp vô lậu, nhưng vì gìn giữ hữu lậu cho nên được gọi là ăn. Vô lậu cũng vậy, mặc dù đoạn tuyệt hữu lậu, nhưng gìn giữ vô lậu thì làm sao không phải là ăn? Trong Tịnh độ này, chư Phật Bồ-tát về sau chứng được vô lậu, có khả năng nói, có thể tiếp nhận pháp vị của Đại thừa mà sinh đại hoan hỷ. Hơn nữa, Trí thể chân chánh tiếp nhận vị Chân như, sinh niềm vui mừng lớn, có khả năng duy trì thân mạng, khiến cho không đoạn tuyệt-hư hoại, nuôi lớn pháp thiện, cho nên gọi là ăn.

Duy trì viên mãn của Tịnh độ như vậy để làm cho nên sự nghiệp gì? Để làm tất cả nghĩa lợi cho mọi chúng sinh. Nghĩa là người trong Tịnh độ này có khả năng làm hết thảy nghĩa lợi cho tất cả loài hữu tình. Hoặc khiến cho tất cả hữu tình làm mọi việc nghĩa. Sự lợi ích ngay trong hiện tại gọi là nghĩa, còn lợi ích cho mai sau gọi là lợi. Thế gian gọi là nghĩa, xuất thế gian gọi là lợi. Là ác gọi là nghĩa, tiếp nhận điều thiện gọi là lợi. Phước đức gọi là nghĩa, trí tuệ gọi là lợi.

Những sự nghiệp khác biệt như vậy, mặc dù đang ở trong cảnh giới định vắng lặng, nhưng do trước đã tu tập gia hạnh nguyện lực cho nên tự nhiên có khả năng làm mọi nghĩa lợi cho tất cả loài hữu tình.

Sự nghiệp viên mãn của Tịnh độ như vậy, đã thâm nhiếp lợi ích gì? Dứt trừ hết các tai họa, trói buộc, bức bách, cấu uế của mọi phiền não. Nghĩa là trong Tịnh độ này xa lìa mọi cấu uế buộc ràng của các phiền não cùng mọi tai họa bức bách. Chính mọi thứ phiền não gọi là sự ràng buộc cấu uế. Như vậy thì gọi là nguyên nhân của mọi tai họa bức bách. Trong Tịnh độ này không có sự ràng buộc cấu uế của phiền não và cũng không gây ra các tai họa bức bách.

Lại nữa, gọi là phiền não, nghĩa là một trăm hai mươi tám phiền não căn bản. Trói buộc là không biết hổ thẹn... Cấu uế, tức là sự dua nịnh, lừa dối, kiêu mạn... Tai họa bức bách tức là nghiệp đã phát khởi và quả báo đã cảm được.

Chướng sở tri hoặc các tùy miên gọi là phiền não. Khi chúng hiện khởi, gọi là sự trói buộc cấu uế. Căn bản nơi mê lầm gọi là trói buộc, chạy theo sự mê lầm đó gọi là cấu uế. Chướng sở tri... gọi là tai họa bức bách.

Trong này, pháp nào gọi là đem lại lợi ích? Tức là pháp xa lìa phiền não cấu uế, lìa tai họa bức bách, gọi là đem lại lợi ích. Như được thế gian phong cho mình làm chúa tể, dù không tiếp nhận, nhưng không bị tai họa, được cấp cho nhà ở, cũng nói là chủ, vì đã đem lợi ích cho mình. Đây cũng như vậy. Lại nữa, hiện chứng được giải thoát phiền não

cầu uế và tai họa bức bách, có được phước, trí thù thắng cho nên gọi là thâm nhiếp lợi ích.

Tịnh độ như vậy, đã xa lìa tai họa bức bách bên trong, đem lại lợi ích viên mãn, cũng là nhân không sợ hãi cái gì bên ngoài, cho nên Tịnh độ chỉ rõ chính là cõi Vô úy viên mãn. Xa lìa các ma, nghĩa là Tịnh độ này đã xa lìa tất cả ma phiền não, ma uẩn, ma chết, ma trời hoặc có khả năng bảo người khác xa lìa bốn loại ma ấy.

Bốn loại ma như vậy là nguyên nhân của sự sợ hãi, vì sợ hãi ấy mà nảy sinh mọi thứ sợ hãi khác. Trong Tịnh độ này không có sự sợ hãi kia, cho nên không có sợ hãi nào nữa.

Ma phiền não là một trăm hai mươi tám phiền não và tùy phiền não.

Ma uẩn là năm thủ uẩn.

Ma chết nghĩa là các tướng vô thường trong pháp hữu lậu.

Ma trời là Thiên tử Tự tại thứ sáu của cõi Dục.

Bốn loại này đều có thể gây tổn hại đến các pháp thiện, cho nên gọi là ma. Bốn loại này sinh ra mọi thứ sợ hãi khác. Đức Như Lai đã vĩnh viễn xa lìa bốn loại ma này, cho nên không có mọi sợ hãi. Các Đại Bồ-tát từ địa thứ nhất trở lên, ở trong Tịnh độ ấy, đã xa lìa thô cận nơi bốn loại ma, không có năm sự sợ hãi.

Tịnh độ là cõi Vô úy viên mãn như vậy, cho nên nó cũng là chỗ ở thù thắng, vì vậy sau đây sẽ nói đến sự viên mãn của trú xứ. Chỗ ở của Như Lai trang nghiêm vượt lên trên mọi sự trang nghiêm. Nghĩa là chỗ cư trú của Phật trong Tịnh độ này, tốt đẹp hơn trú xứ của tất cả Bồ-tát và các trú xứ trang nghiêm khác, vì nó chỉ do Như Lai trang sức mẫu nhiệm chỗ ở của Ngài, cho nên nó cao vượt hơn mọi nơi trang nghiêm khác. Vì vậy gọi là trú xứ viên mãn.

Tịnh độ với trú xứ viên mãn như vậy, thì đường qua lối lại trong đó ra sao? Đại niệm-tuệ-hạnh dùng làm đường đi, nghĩa là dùng đại niệm-đại tuệ và đại hạnh để làm đường đi. Rảo bước dạo chơi trên con đường này, cho nên gọi là con đường dạo chơi, là tên gọi khác của Đạo. Nghe mà thành tuệ gọi là Đại Niệm, nghe rồi ghi nhớ giữ theo nghĩa không trái ngược. Suy nghĩ mà thành tuệ gọi là Đại tuệ dựa vào lý suy xét kỹ càng để đạt được quyết định. Tu mà thành tuệ gọi là Đại Hạnh, nhờ năng lực tu tập để hưởng đến chân lý.

Đại nghĩa là Niệm... duyên theo pháp Đại thừa mà sinh khởi, là quả vị của Đại thừa, vì thuộc về Đại thừa. Bước đi lui tới trên ba tuệ thanh tịnh trong Tịnh độ cho nên gọi là con đường dạo chơi. Đây là

nói nhờ ba tuệ mầu nhiệm mà Bồ-tát được đi vào Tịnh độ, cho nên gọi là con đường dạo chơi. Nếu là đại niêm của các Như Lai, thì nó là trí không phân biệt, chính là nhờ sự nhớ nghĩ an trú với lý Chân như. Đại Tuệ tức là trí hậu sở đắc, nhờ phân biệt tướng chân tục của các pháp.

Hai trí này đều có tạo tác, nghiệp dụng tăng thượng của Tịnh độ, cho nên đều gọi là Hạnh. Vì hai trí này đều sinh chung trong Tịnh độ, cho nên đều gọi là con đường dạo chơi. Hoặc đại Niêm hạnh là hành tự lợi, bởi vì thân nhiếp giữ gìn bên trong. đại Tuệ hạnh là hành lợi tha, bởi vì phân biệt bên ngoài. Như vậy theo thứ tự cùng sinh trong hai loại Tịnh độ của Như lai, cho nên gọi là con đường dạo chơi.

Như vậy con đường Tịnh độ đã viên mãn, phải có người đánh xe và người được ngồi xe đi trên con đường ấy. Vì vậy tiếp theo nói đến Đại Chỉ và Diệu Quán dùng làm xe chuyên chở.

Chỉ là Tam-ma-địa. Quán là Bát-la-nhã. Nghĩa Đại như trước đã nói. Chỉ và Quán cùng vận chuyển cho nên gọi là chuyên chở. Ngồi nơi xe Chỉ Quán ấy, theo ý mình đi trên con đường phía trước. Con đường là vị trí chung, từ đường chung đó, theo Chỉ-Quán riêng gọi là ngồi xe.

Sự chuyên chở của Tịnh độ đã viên mãn như vậy, thì phải có cổng vào để từ cổng vào ấy người đánh xe cho xe vào cổng, vì vậy tiếp theo nói đến đại Không-Vô tướng-Vô nguyện giải thoát làm cổng vào. Ba cửa giải thoát trên là lối vào cung điện lớn này.

Giải thoát tức là lìa khỏi, là Niết-bàn, tức là Đại Không... gọi là cửa giải thoát. Dựa theo cổng này mà đi vào Tịnh độ.

Biến kế sở chấp, chúng sinh và pháp đều Vô ngã cho nên gọi là Không. Duyên vào Tam-ma-địa này, gọi là cửa giải thoát Không. Tướng là mười tướng:

1. Sắc.
2. Thanh.
3. Hương.
4. Vị.
5. Xúc.
6. Nam.
7. Nữ.
8. Sinh.
9. Lão.
10. Tử.

Niết-bàn không có các tướng này cho nên gọi là Vô tướng. Duyên vào Tam-ma-địa này gọi là cửa giải thoát Vô tướng.

Nguyện là mong ước. Quán xét mọi nỗi khổ trong ba cõi, không có chỗ nào đáng mong ước, cho nên gọi là Vô nguyện. Duyên vào Tam-ma-địa này gọi là cửa giải thoát Vô nguyện. Từ ba cửa giải thoát Không... này mà đi vào Tịnh độ, cho nên gọi là cửa.

Đại như trước đã nói.

Trong Tịnh độ này, cũng cần có công việc để người ta làm, như đường xá, xe chuyên chở, cổng... khiến cho loài hữu tình thêm hân hoan vui vẻ với đức chân thật, cho nên nói đến việc làm.

Cửa đi vào Tịnh độ đã viên mãn như vậy. Như cung điện khác, phải có chỗ nương tựa, vì vậy tiếp theo nói đến sự nương tựa, gìn giữ viên mãn với vô lượng công đức tạo sự trang nghiêm được xây dựng lên bằng các loại hoa báu lớn. Nghĩa là như đất... dựa vào phong luân... hoặc như cung điện của thế gian dựa vào đất.

Tịnh độ như vậy, được trang nghiêm bởi vô lượng các công đức, được dựng lên bằng các hoa sen hồng báu lớn, nghĩa là Tịnh độ thành tựu bằng hoa sen hồng báu lớn.

Như vậy, vô lượng các công đức thiện quý báu vĩ đại đã dựng lên cõi Tịnh độ. Vì tốt đẹp hơn các châu báu cho nên gọi là vĩ đại.

Những hoa sen hồng quý báu này tối thắng hơn hết trong mọi loài hoa cho nên gọi là hoa báu. Hoặc hoa sen này phát sinh từ thiện căn của các Bồ-tát mà vượt qua mọi loài hoa khác cho nên gọi là Đại. Phật là Pháp vương, hoa sen này phát sinh từ thiện căn tối thắng của Phật cho nên gọi là hoa báu. Lại nữa, hoa báu rất khó có được, cho nên gọi là Đại. Vì tốt đẹp hơn hết trong các hoa báu, cho nên gọi là hoa báu. Hoa này không phải duy nhất, hoặc vì cánh hoa nhiều cho nên gọi là chúng. Đức Thế Tôn ở trong chúng hoa ấy mà xây dựng cung điện vĩ đại, để giảng nói Khế kinh này, vì vậy gọi là trong cung điện vĩ đại. Hoặc căn cứ vào thân thọ dụng thật của Như Lai dựa vào Tịnh độ, gọi là cung điện vĩ đại đồng với pháp giới, trong đó thân thọ dụng của mỗi Đức Phật đều có khả năng giảng nói về phần gốc, gọi là nói kinh này. Hoặc căn cứ vào thân thọ dụng đã biến hiện của Như Lai, tùy thuận hoàn cảnh thích hợp của Bồ-tát, đã y chỉ Tịnh độ, gọi là cung điện vĩ đại với lượng không nhất định, trong đó chư Phật cùng biến hiện một thân, chính thức giảng nói kinh này, cho nên nói phần lượng và phương sở của cung điện ấy không thể quyết định.

